

( Đề có 4 trang )

Họ tên : ..... Số báo danh : .....

Mã đề 024

| ĐIỂM | LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN |
|------|-----------------------|
|      |                       |

**I. TRẮC NGHIỆM:** Khoanh tròn vào đáp án đứng trước câu trả lời đúng?

**Câu 1:** . Độ dài hai cạnh góc vuông liên tiếp lần lượt là 3cm và 4cm thì độ dài cạnh huyền là :

- A. 7                      B. 5                      C. 14                      D. 6

**Câu 2:** . Thu gọn đơn thức  $P = x^3y - 5xy^3 + 2x^3y + 5xy^3$  bằng :

- A.  $3x^3y - 10xy^3$                       B.  $3x^3y$                       C.  $x^3y + 10xy^3$                       D.  $-x^3y$

**Câu 3:** . Thu gọn đa thức :  $x^3 - 2x^2 + 2x^3 + 3x^2 - 6$  ta được đa thức :

- A.  $-3x^3 - 2x^2 - 6$ ;                      B.  $3x^3 + x^2 - 6$                       C.  $3x^3 - 5x^2 - 6$ .                      D.  $x^3 + x^2 - 6$ ;

**Câu 4:** . Bậc của đa thức  $Q = x^3 - 7x^4y + xy^3 - 11$  là :

- A. 7                      B. 5                      C. 6                      D. 4

**Câu 5:** . Tam giác có một góc  $60^\circ$  thì với điều kiện nào thì trở thành tam giác đều :

- A. hai cạnh bằng nhau  
B. một cạnh đáy  
C. ba góc nhọn  
D. hai góc nhọn

**Câu 6:** . Số nào sau đây là nghiệm của đa thức  $f(x) = \frac{2}{3}x + 1$  :

- A.  $\frac{3}{2}$                       B.  $-\frac{3}{2}$                       C.  $\frac{2}{3}$                       D.  $-\frac{2}{3}$

**Câu 7:** . Cho tam giác ABC có đường trung tuyến AI , trọng tâm G. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng ?

- A.  $\frac{AI}{GI} = \frac{2}{3}$                       B.  $\frac{GI}{AI} = \frac{1}{2}$                       C.  $\frac{GA}{AI} = \frac{2}{3}$                       D.  $\frac{AI}{GI} = \frac{1}{3}$

**Câu 8:** . Đa thức  $x^2 - 3x$  có nghiệm là :

- A.  $-\frac{1}{3}$  và 3                      B. 2 và 1                      C. 3 và 0                      D. -3 và 0

**Câu 9:** . Đơn thức nào sau đây đồng dạng với đơn thức  $-3xy^2$

- A.  $(-3xy)y$                       B.  $-3xy$                       C.  $-3x^2y$                       D.  $-3(xy)^2$

**Câu 10:** . Tích của hai đơn thức  $2x^2yz$  và  $(-4xy^2z)$  bằng :

- A.  $-8x^3y^3z^2$  ;                      B.  $-8x^3y^3z$                       C.  $-6x^2y^2z$                       D.  $8x^3y^2z^2$  ;

**Câu 11:** Trọng tâm của tam giác là giao điểm của:

- A. Ba đường cao                      B. Ba đường phân giác  
C. Ba đường trung tuyến                      D. Ba đường trung trực

**Câu 12:** .Đơn thức  $-\frac{1}{3}y^2z^49x^3y$  có bậc là :

A. 8

B. 10

C. 12

D. 6

**Câu 13:** . Đa thức  $g(x) = x^2 + 1$

A. Có nghiệm là -1

B. Có nghiệm là 1

C. Có 2 nghiệm

D. Không có nghiệm

**Câu 14:** . Với mỗi bộ ba đoạn thẳng có số đo sau đây, bộ ba nào không thể là độ dài ba cạnh của một tam giác ?

A. .15cm, 13cm, 6cm

B. .2cm, 5cm, 4cm

C. .11cm, 7cm, 18cm

D. .9cm, 6cm, 12cm.

**Câu 15:** . Giá trị biểu thức  $3x^2y + 3y^2x$  tại  $x = -2$  và  $y = -1$  là:

A. -18

B. -9

C. 18

D. 12

**Câu 16:** . Bậc của đa thức:  $x^4 + 5x^5 - x^3 + 2x^2 - 8 - 5x^5$  là :

A. 0

B. 4

C. 3

D. 5

**Câu 17:** . Cho tam giác ABC, có  $AB = 6\text{cm}$ ,  $BC = 8\text{cm}$ ,  $AC = 5\text{cm}$ . Khẳng định nào sau đây là đúng

A.  $\widehat{A} < \widehat{B} < \widehat{C}$ ;B.  $\widehat{A} < \widehat{C} < \widehat{B}$ ;C.  $\widehat{A} > \widehat{B} > \widehat{C}$ ;

**Câu 18:** . Kết quả phép tính  $-5x^2y^5 - x^2y^5 + 2x^2y^5$

A.  $.8x^2y^5$ B.  $4x^2y^5$ C.  $-4x^2y^5$ D.  $-3x^2y^5$ 

**Câu 19:**

$P(x) = x^2 - x^3 + x^4$  và

$Q(x) = -2x^2 + x^3 - x^4 + 1$  và

$R(x) = -x^3 + x^2 + 2x^4$

$P(x) + R(x) - Q(x)$  là đa thức:

A.  $3x^4 + 2x^2$ B.  $3x^4$ C.  $-2x^3 + 2x^2$ D.  $2x^4 - x^3 - 1$ 

**Câu 20** Cho hàm số  $y = ax$  có đồ thị đi qua điểm  $P\left(-\frac{1}{3}; -\frac{2}{5}\right)$ . Thì giá trị của a là:

A.  $a = \frac{5}{6}$ B.  $a = 1$ C.  $a = -1\frac{1}{5}$ D.  $a = 1\frac{1}{5}$ 

## II. TỰ LUẬN

**Câu 21:** Thời gian giải một bài toán (tính bằng phút) của 22 học sinh được ghi lại như sau:

|   |    |   |    |    |   |   |    |   |    |    |
|---|----|---|----|----|---|---|----|---|----|----|
| 9 | 10 | 5 | 10 | 8  | 9 | 7 | 8  | 9 | 10 | 8  |
| 8 | 5  | 7 | 8  | 10 | 9 | 8 | 10 | 7 | 8  | 14 |

a) Dấu hiệu ở đây là gì?

b) Lập bảng tần số.

c) Tính số trung bình cộng.

**Câu 22:** a) Thực hiện phép tính:  $2x^2 + 3x^2 - \frac{3}{2}x^2$

b) Tìm nghiệm của đa thức:  $P(y) = 2y + 10$ 

**Câu 23:** Cho hai đa thức:

$$P(x) = 4x^3 + 2x^2 - 2x + 7 - x^2 - x$$

$$Q(x) = -4x^3 + x - 14 - 2x - x^2 - 1$$

a) Thu gọn hai đa thức  $P(x)$  và  $Q(x)$ b) Tính:  $P(x) + Q(x)$  và  $P(x) - Q(x)$ c) Tìm x để  $P(x) = Q(x)$ 

**Câu 24:** Cho  $\triangle ABC$  ( $AB < AC$ ). Vẽ phân giác AD của  $\triangle ABC$  ( $D \in BC$ ). Trên cạnh AC lấy điểm E sao cho  $AE = AB$ .

a) Chứng minh  $\triangle ADB = \triangle ADE$

- c) Gọi F là giao điểm của AB và DE. Chứng minh:  $\widehat{DBF} = \widehat{DEC}$  và  $\triangle BFD = \triangle ECD$

----- **HẾT** -----

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com